

Bài 22

NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LUỘC.

NHÂN DÂN MIỀN BẮC VÙA CHIẾN ĐẤU VÙA SẢN XUẤT (1965 – 1973)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Có những hiểu biết về cuộc chiến đấu của quân dân ta ở miền Nam đánh bại liên tiếp hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh" ; quân dân ta ở miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ ; về sự kết hợp giữa cách mạng hai miền Nam – Bắc, giữa tiền tuyến và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ; về sự phối hợp chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương chống kẻ thù chung ; về những hoạt động lao động sản xuất ở miền Bắc cả trong điều kiện phải chống chiến tranh phá hoại ; về những thắng lợi to lớn trong cuộc Tổng tiến công và

nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam và trong trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972 ở miền Bắc, đã buộc Mĩ kí Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và rút hết quân về nước.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá âm mưu, thủ đoạn của địch trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam, cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc trong hai lần và chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh", tinh thần chiến đấu, lao động sản xuất xây dựng miền Bắc ; tinh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương và ý nghĩa thắng lợi của quân dân ta ở hai miền đất nước ; kĩ năng sử dụng bản đồ, lược đồ chiến sự, tranh, ảnh trong SGK.

3. Về thái độ

Bồi dưỡng lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, tinh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đồ của cách mạng.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

– Nội dung bài học đề cập đến giai đoạn từ khi Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam vào giữa năm 1965, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, cả nước có chiến tranh, cả nước trực tiếp chiến đấu chống Mĩ, đến Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (27 – 1 – 1973), quân Mĩ rút hết về nước (29 – 3 – 1973).

– Từ giữa năm 1965 đến đầu năm 1973 : *Miền Nam* trải qua hai giai đoạn chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của Mĩ ; giai đoạn 1965 – 1968, đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Tổng thống Giônxơen ; giai đoạn 1969 – 1973, đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Tổng thống Níchxơn. *Miền Bắc* trải qua hai cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ : giai đoạn chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bắt đầu ngày 5 – 8 – 1964, chính thức từ ngày 7 – 2 – 1965 đến ngày 1 – 11 – 1968 ; giai đoạn chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai bắt đầu ngày 6 – 4 – 1972, chính thức từ ngày 16 – 4 – 1972 đến ngày 15 – 1 – 1973. Giữa hai cuộc chiến

tranh phá hoại là giai đoạn hoà bình tương đối, miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

– Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) ở miền Nam mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân (từ ngày 30 – 1 đến ngày 25 – 2 – 1968), tuy có những hạn chế nhất định nhưng vẫn là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta tiếp sau thắng lợi của cuộc "Đồng khởi" (1959 – 1960) và thắng lợi trong cuộc chiến đấu đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965). Thắng lợi Xuân Mậu Thân 1968 đánh dấu bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, đưa nước Mĩ vào "thời kì sau chiến tranh Việt Nam", là thời kì suy yếu và thất bại của đế quốc Mĩ, vì sau đòn bất ngờ Tết Mậu Thân, Tổng thống Mĩ Giônxơen phải tuyên bố "phi Mĩ hoá chiến tranh", quân viễn chinh Mĩ được lệnh bắt đầu rút khỏi cuộc chiến tranh xâm lược khi mục tiêu xâm lược chưa đạt được và chiến tranh chưa kết thúc.

– Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam (bắt đầu ngày 30 – 3) và trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối tháng 12 – 1972 ở miền Bắc là những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta tiếp sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). Với cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh, tức là thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Với trận "Điện Biên Phủ trên không", ta đã đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12), buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và rút hết quân về nước (sau 2 tháng, đến ngày 29 – 3 – 1973).

2. Về phương pháp

Dùng phương pháp phân tích, nhận định, đánh giá âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mĩ ; tính chất gian khổ, ác liệt trong cuộc chiến đấu của quân dân ta ở hai miền ; sự đúng đắn, sáng tạo trong chủ trương đường lối của Đảng về sự kết hợp giữa cách mạng hai miền, giữa hậu phương và tiền tuyến, về sự kết hợp chiến đấu và sản xuất ở miền Bắc, sự phối hợp chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương chống kẻ thù chung ; kết quả của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 và trận "Điện Biên Phủ trên không" tháng 12 – 1972.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Ảnh, lược đồ chiến sự trong SGK.
- Tham khảo thêm *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập III (1945 – 2000)*, NXB Giáo dục.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

Mở đầu bài mới, GV giới thiệu : Từ đầu năm 1965 đến đầu năm 1973, Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, cả nước có chiến tranh, cả nước trực tiếp đánh Mĩ. Miền Nam chiến đấu đánh bại liên tiếp hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968) và "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 – 1973). Miền Bắc chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trong hai lần. Trong hai giai đoạn chống chiến tranh phá hoại, miền Bắc vừa chiến đấu, vừa sản xuất. Giai đoạn giữa hai lần chiến tranh phá hoại, miền Bắc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của hậu phương kháng chiến.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1965 – 1968)

GV giảng bài theo 3 mục như trong SGK :

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

– Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" mà Mĩ tiến hành ở miền Nam từ giữa năm 1965 là một trong ba chiến lược chiến tranh trong chiến lược quân sự toàn cầu "*Phản ứng linh hoạt*" (1961 – 1968) của Mĩ. Để hỗ trợ cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

– "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn, trong đó quân Mĩ *giữ vai trò quan trọng*, không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị. Tuy quân Mĩ trực tiếp tham chiến, "Chiến tranh cục bộ" vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân mới vì quân đội Sài Gòn *vẫn còn giữ vai trò quan trọng*. Mĩ trực tiếp tham gia vào cuộc chiến nhằm cứu quân đội

Sài Gòn khôi bị sụp đổ, tiếp tục thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam.

– "Chiến tranh cục bộ" có quy mô mở rộng ra cả miền Bắc, tính chất ác liệt thể hiện ở mục tiêu vừa nhằm tiêu diệt quân chủ lực của ta, vừa "bình định" miền Nam, phá hoại miền Bắc ; số quân đông với vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên biển.

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

GV hướng dẫn HS tìm hiểu :

– Tính chất ác liệt, hết sức gian khổ của cuộc chiến đấu, vì phải chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược được tăng cường và mở rộng ra cả nước, chống lại một đối tượng mới là đội quân xâm lược nhà nghề (quân viễn chinh Mĩ, quân đồng minh của Mĩ) với lực lượng đông, mạnh, được trang bị vũ khí và phương tiện hiện đại. Nhưng nhờ có đường lối kháng chiến đúng, quyết tâm chống Mĩ cao, có sức mạnh tổng hợp to lớn cả tiền tuyến và hậu phương, có sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của loài người tiến bộ, quân dân ta ở miền Nam đã vượt qua khó khăn to lớn, giành thắng lợi.

– Trên mặt trận quân sự, quân dân ta liên tiếp giành thắng lợi, với những thắng lợi tiêu biểu có ý nghĩa chiến lược, mở đầu là chiến thắng Vạn Tường (8 – 1965) ; tiếp đó là thắng lợi trong việc đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông – xuân 1965 – 1966 và đông – xuân 1966 – 1967) của địch, đỉnh cao thắng lợi là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). Trên mặt trận chống "bình định", đấu tranh chính trị, quân dân ta tiếp tục giành thắng lợi, phá tan từng mảng "áp chiến lược", làm tăng tình trạng khủng hoảng của chính quyền Sài Gòn.

GV trình bày cuộc chiến đấu thắng lợi theo từng nội dung : Trên mặt trận quân sự (thắng lợi Núi Thành, Vạn Tường, thắng lợi hai mùa khô) ; trên mặt trận chống "bình định", phá "áp chiến lược" ; đấu tranh chính trị ở thành thị ; thắng lợi chính trị – ngoại giao của ta, thất bại của Mĩ.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968

GV trình bày theo các nội dung sau : Hoàn cảnh quân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ; diễn biến ; kết quả (thắng lợi và hạn chế, nguyên nhân của hạn chế) ; ý nghĩa lịch sử (nhấn mạnh).

Mục II – Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 – 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

GV giảng và yêu cầu HS ghi nhớ được ý chính :

– Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đồng thời với việc tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, đế quốc Mĩ mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

– Về "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", GV có thể mở rộng cho HS biết : Để mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, chính quyền Giônxơng tạo ra cớ : Trưa 2 – 8 – 1964, Mĩ cho hải quân xâm phạm vùng biển của ta ở vịnh Bắc Bộ, bị hải quân của ta đánh trả. Đêm 4 – 8 – 1964, chính quyền Giônxơng dựng lên câu chuyện tàu chiến Mĩ bị hải quân Việt Nam tiến công lần thứ hai ở ngoài khơi vịnh Bắc Bộ, thuộc hải phận quốc tế để lấy cớ cho máy bay bắn phá một số nơi dọc bờ biển miền Bắc ngày 5 – 8 – 1964.

– Ngày 7 – 2 – 1965 lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam đánh vào trại lính Mĩ ở Plâyku, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá nhiều nơi trong đất liền miền Bắc... chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

GV cho HS tìm hiểu nội dung SGK và yêu cầu nhận thức được :

– Mục tiêu của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc là nhằm phá hoại hậu phương lớn của miền Nam, hỗ trợ cho việc thực hiện những mục tiêu của cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam. Như vậy, chiến tranh phá hoại miền Bắc là một bộ phận và phụ thuộc vào cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam của Mĩ (lúc này là cuộc "Chiến tranh cục bộ").

– Âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

GV phân tích :

– Khi miền Bắc chuyển từ thời bình sang thời chiến, cách mạng thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược : chiến đấu và sản xuất. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ nhằm bảo vệ sản xuất, bảo vệ công cuộc xây dựng miền Bắc, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và Nhà nước, hỗ trợ cuộc chiến đấu ở miền Nam ; sản xuất nhằm tăng thêm của cải vật chất cho xã hội, phục vụ

chiến đấu, bảo đảm đời sống của nhân dân, làm nghĩa vụ hậu phương lớn – chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Như vậy, chiến đấu và sản xuất ở miền Bắc là bộ phận của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

– Do phải sản xuất, xây dựng trong điều kiện chiến tranh phá hoại (chủ yếu diễn ra trên không, trên biển, theo từng đợt) nên trong sản xuất, xây dựng kinh tế, hoạt động xã hội phải chuyển hướng cho phù hợp với thời chiến sao cho không bị tàn phá, không bị thiệt hại về người và của, phải thực hiện quân sự hoá toàn dân, triệt để sơ tán, phân tán, xây dựng kinh tế với quy mô phù hợp, đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp.

GV hướng dẫn HS nắm các nội dung :

+ Sự chuyển hướng trong xây dựng kinh tế, hoạt động xã hội ;

+ Thành tích trong chiến đấu, thành tựu trong sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp) và trên các mặt trận khác : giao thông vận tải, văn hoá, giáo dục, y tế...

+ Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, miền Bắc đã được xác định là hậu phương, và từ khi chiến tranh xâm lược của Mĩ mở rộng ra cả nước, miền Bắc được xác định là hậu phương lớn. Trong bất cứ tình huống nào, miền Bắc cũng thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn, chi viện theo yêu cầu về sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam (và cho chiến trường Lào, Campuchia).

+ Nguồn nhân lực, vật lực từ hậu phương miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam qua hai tuyến đường chiến lược nối liền Bắc – Nam trên bộ (dọc theo dãy núi Trường Sơn) và trên biển mang tên Hồ Chí Minh. Phương tiện vận chuyển thô sơ là chủ yếu trong giai đoạn chống "Chiến tranh đặc biệt", sang cơ giới là chủ yếu từ giai đoạn chống "Chiến tranh cục bộ".

– GV hướng dẫn HS đánh giá vị trí, vai trò của miền Bắc (là hậu phương, chi viện cho tiền tuyến miền Nam) ; hoạt động vận chuyển hàng chi viện (qua tuyến đường Hồ Chí Minh) ; kết quả nguồn nhân lực, vật lực từ miền Bắc đưa vào miền Nam và tác dụng của nó.

Mục III – Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 – 1973)

GV giảng bài theo ba mục như trong SGK :

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

– Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" dưới thời Tổng thống Níchxơn được thực hiện ở miền Nam từ đầu năm 1969 thay cho chiến lược "Chiến tranh

cục bộ" đã phá sản. Nó được đề ra trên cơ sở điều chỉnh chiến lược "Phi Mĩ hoá chiến tranh" của Giônxơن năm 1968. Đó là chiến lược chiến tranh trong chiến lược quân sự toàn cầu *Ngăn đe thực tế* của Níchxơn và Pho (1969 – 1976).

– "Việt Nam hoá chiến tranh" hay "Phi Mĩ hoá chiến tranh", như tên gọi của nó, là cuộc chiến tranh được chuyển từ giữa người Mĩ với người Việt Nam sang giữa những người Việt Nam với nhau. Với chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân Mĩ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh để giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, tận dụng xương máu người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

– Để hỗ trợ chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam, Mĩ mở rộng xâm lược Campuchia, thực hiện chiến lược "Khơme hoá chiến tranh" năm 1970, tăng cường xâm lược Lào, thực hiện chiến lược "Lào hoá chiến tranh" năm 1971 ; mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai) từ ngày 6 – 4 – 1972. Như vậy, với chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ mở rộng ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh", thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương". Cùng với "Việt Nam hoá chiến tranh", Mĩ đẩy mạnh hoạt động ngoại giao chia rẽ các lực lượng cách mạng, cô lập cách mạng Việt Nam với cách mạng các nước trên thế giới.

2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

GV phân tích để làm rõ :

– Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" hết sức khó khăn, phức tạp, vì phải chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược được tăng cường và mở rộng ra cả nước và toàn Đông Dương, với số quân đông (lên tới 1,5 triệu quân, trong đó quân Mĩ và quân đồng minh hơn nửa triệu vào năm 1969), trang bị hiện đại ; phải chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện, vừa chiến đấu trên chiến trường, vừa đấu tranh ở bàn hội nghị – "*vừa đánh, vừa đàm*". Chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" còn nhằm chống lại âm mưu, thủ đoạn ngoại giao của Mĩ là bắt tay hoà hoãn với các nước lớn nhằm cô lập Việt Nam.

– Với chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ mở rộng ra toàn Đông Dương. Đông Dương trở thành chiến trường lớn. Do đó, thắng lợi giành được ở chiến trường mỗi nước là thắng lợi chung của tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương.

– Dựa vào SGK, GV trình bày bài giảng theo từng thắng lợi :

+ Trên mặt trận chính trị (hai thắng lợi : từ ngày 6 đến ngày 8 – 6 – 1969 và từ ngày 24 đến ngày 25 – 4 – 1970).

+ Trên mặt trận quân sự (hai thắng lợi ở Campuchia giữa năm 1970 và ở Lào đầu năm 1971).

+ Phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị.

+ Phong trào nổi dậy chống "bình định", giành quyền làm chủ ở nông thôn.

3. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972

GV tập trung phân tích :

– Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 diễn ra trong bối cảnh sau khi quân dân ta giành hàng loạt thắng lợi trong ba năm 1969, 1970, 1971 trên các mặt trận (SGK) và trong năm bầu cử Tổng thống ở Mĩ (1972) là năm nảy sinh nhiều mâu thuẫn ở Mĩ qua cuộc tranh cử vào Nhà Trắng, mà ta có thể lợi dụng. Hơn nữa, ta còn lợi dụng lúc địch chủ quan, phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của quân ta, để mở cuộc Tiến công chiến lược bắt đầu ngày 30 – 3 – 1972.

Dựa vào SGK, GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu về diễn biến, kết quả (thắng lợi, hạn chế), ý nghĩa.

– Sau đòn mở đầu bất ngờ, choáng váng của quân ta (30 – 3 – 1972), Mĩ vội vàng "Mĩ hoá" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược (tức quân Mĩ trở lại trực tiếp tham gia chiến đấu như trong "Chiến tranh cục bộ"), đã hỗ trợ tối đa hỏa lực, không quân và hải quân để quân đội Sài Gòn phản công lại ta và gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ hai). Nguyên nhân là do so sánh lực lượng vẫn còn nghiêng về phía địch, và nhất là tình hình thế giới lúc này không có lợi cho sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta (Mĩ đã có quan hệ với các nước lớn nhằm cô lập cách mạng nước ta).

Mục IV – Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973)

GV giảng bài theo hai mục như trong SGK.

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội

Miền Bắc bước vào thời kì mới từ đầu năm 1969. Chiến tranh phá hoại (lần thứ nhất) đã kết thúc, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống xã hội. Bên cạnh thuận lợi, miền Bắc gặp không ít khó khăn do hậu quả

nặng nề của chiến tranh phá hoại, do sai lầm, khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đưa đến tình trạng trì trệ, làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

GV hướng dẫn HS nhận thức được nội dung sau :

- Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc những năm đầu thời kì.
- Thành tựu kinh tế – xã hội (1969 – 1971) : về kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải) ; về văn hoá, giáo dục, y tế.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

– Cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mĩ diễn ra từ ngày 6 – 4 – 1972 (chính thức từ ngày 16 – 4 – 1972 đến ngày 15 – 1 – 1973), một tuần sau khi quân ta ở miền Nam bắt đầu cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 (30 – 3 – 1972), nhằm đối phó với cuộc tiến công của quân ta và hỗ trợ cho chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" đang có nguy cơ phá sản. Với mục đích đó, nó là bộ phận của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

– Cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ tiến hành trong lúc cuộc đấu tranh giữa ta và Mĩ diễn ra dưới hình thái "vừa đánh, vừa đàm", nên trong việc thực hiện ý đồ cứu nguy cho "Việt Nam hoá chiến tranh" còn nhằm tạo thế mạnh cho cuộc đàm phán ở Hội nghị Pari bằng những hành động táo bạo, sử dụng máy bay B52 – loại máy bay hiện đại nhất – ném bom vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972.

– Đây là lần thứ hai Mĩ đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân, đồng thời là lần thứ hai miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ. Âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mĩ cũng như chủ trương nhiệm vụ chiến đấu của ta trong cả hai lần về cơ bản giống nhau. Điểm khác là cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ có quy mô lớn hơn, tốc độ nhanh hơn, cường độ mạnh hơn, hành động táo bạo, sử dụng phổ biến và tập trung các loại máy bay hiện đại nhất.

– Cũng như lần trước, trong chống chiến tranh phá hoại lần này, miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương.

GV giảng bài theo các ý lớn :

- + Các bước tiến hành chiến tranh phá hoại của Mĩ.
- + Mục tiêu (ý đồ) của Mĩ trong chiến tranh phá hoại lần này (liên hệ, so sánh với lần trước).

+ Cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mĩ và trận "Điện Biên Phủ trên không" của ta (mục đích cuộc tập kích ; kết quả và ý nghĩa thắng lợi của ta – xem thêm mục V – *Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam*) trong SGK.

– Đòi hỏi về nguồn nhân lực, vật lực của hậu phương miền Bắc thời kì này ngày càng lớn không chỉ cho chiến trường miền Nam mà cả chiến trường Lào và Campuchia ; điều kiện vận chuyển tới chiến trường cũng khó khăn do những thủ đoạn đánh phá, bao vây phong toả của địch.

– Kết quả về nguồn nhân lực và vật lực của hậu phương chi viện cho chiến trường (lấy dẫn chứng trong SGK).

Mục V – Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

– GV nhấn mạnh : Đấu tranh ngoại giao là một trong ba mặt trận đấu tranh chủ yếu (quân sự, chính trị, ngoại giao) của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Trong ba mặt trận đó thì đấu tranh quân sự và chính trị là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi. Đấu tranh ngoại giao dựa trên cơ sở đó mà giành thắng lợi. Đấu tranh trên bàn hội nghị là một mặt của đấu tranh ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, trong kháng chiến chống Mĩ, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế lúc đó, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.

– *Hiệp định* là văn bản ngoại giao kí kết giữa hai hoặc nhiều nước, xác định một số vấn đề cụ thể có tính chất pháp lí về mối quan hệ giữa hai hoặc nhiều nước. *Hiệp định Pari* về Việt Nam (27 – 1 – 1973) là văn bản ngoại giao kí kết giữa bốn bên, thực chất là giữa hai nước – Việt Nam và Hoa Kì, nhằm xác định việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Nó là kết quả của Hội nghị Pari họp trong gần 4 năm 9 tháng, từ ngày 13 – 5 – 1968 đến ngày 27 – 1 – 1973.

– Đấu tranh ngoại giao của ta bắt đầu từ năm 1965 và trở thành một mặt trận, một mũi tiến công từ đầu năm 1967, sau khi ta có thắng lợi trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967. Đến ngày 31 – 3 – 1968, sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân của quân dân ta, chính quyền Giônxơ̄n buộc phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến đàm phán với Việt Nam.

– Cuộc đàm phán chính thức tại Pari họp ngày 13 – 5 – 1968 giữa hai bên – đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kỳ, và từ ngày 25 – 1 – 1969 giữa bốn bên – có thêm Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam) và Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn).

– Từ phiên họp đầu tiên (13 – 5 – 1968) đến khi đạt được một giải pháp của Hiệp định (27 – 1 – 1973), Hội nghị hai bên rồi bốn bên ở Pari trải qua nhiều phiên họp chung công khai và nhiều cuộc tiếp xúc riêng.

Lập trường của phía ta và phía Mĩ trong đàm phán rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt, đến mức nhiều lúc phải gián đoạn cuộc đàm phán.

Cuối cùng, Mĩ phải chịu ký vào bản dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra trong phiên họp đầu tháng 10 – 1972. Nhưng Mĩ chỉ ký Hiệp định sau thất bại hoàn toàn trong cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 do Mĩ gây ra để ép ta ký vào bản dự thảo Hiệp định của Mĩ.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu SGK và trình bày được các ý :

- + Quá trình Hội nghị đi đến ký Hiệp định.
- + Nội dung Hiệp định.
- + Ý nghĩa Hiệp định (Hiệp định được Hội nghị giữa bốn bên cùng 8 nước công nhận về mặt pháp lí quốc tế).

3. Số kết bài học

– Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh, tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh", mở rộng chiến tranh ra cả nước và toàn Đông Dương ; nhân dân ta ở cả hai miền Nam và Bắc trực tiếp chiến đấu, phối hợp với nhân dân Lào và Campuchia chiến đấu chống Mĩ, trong lúc miền Bắc vẫn tiếp tục sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương kháng chiến chi viện cho chiến trường cả ba nước ở Đông Dương.

– Cuộc chiến đấu của nhân dân ta cùng với nhân dân Lào và Campuchia giành thắng lợi ngày càng to lớn trên cả ba mặt trận chủ yếu : quân sự, chính trị, ngoại giao. Tiêu biểu là các thắng lợi : Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất). Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Trận "Điện Biên Phủ trên không" trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở miền Bắc đã buộc Mĩ phải

chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ hai) và phải ký Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam để rồi phải rút hết quân về nước (sau 2 tháng).

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. So sánh giữa “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” :

– Giống nhau :

+ Về *tính chất*, đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân kiểu mới.

+ Về *thủ đoạn*, đều là những cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, có hoạt động phối hợp phá hoại miền Bắc, phối hợp hoạt động quân sự với hoạt động chính trị, ngoại giao.

– Khác nhau :

+ Về lực lượng tham gia chiến tranh.

+ So với “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” toàn diện hơn, quy mô hơn, mở rộng ra cả Đông Dương bằng chiến tranh phá hoại, mở rộng ra thế giới bằng thủ đoạn ngoại giao.

Câu 2. Trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, miền Bắc là hậu phương lớn, đã chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, nguồn chi viện này ngày càng tăng lên qua các giai đoạn (hai giai đoạn 1965 – 1968 và 1969 – 1973, đã viết trong mục II và mục III SGK).

Câu 3. Thủ đoạn của Mĩ nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia và kết quả thực hiện thủ đoạn đó :

– Mĩ đã chỉ đạo tay sai làm đảo chính lật đổ Chính phủ trung lập Xihanúc của Campuchia ngày 18 – 3 – 1970, chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu quân sự mới ở Đông Dương. Hội nghị cấp cao ba nước họp trong hai ngày 24 và 25 – 4 – 1970 nhằm đổi phó lại thủ đoạn đó của Mĩ và để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

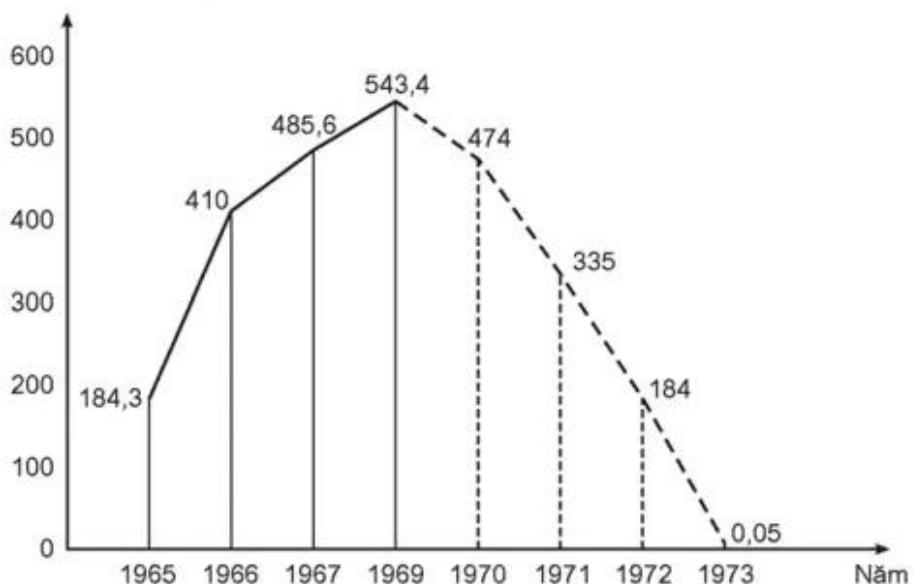
– 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn mở rộng hành quân xâm lược Campuchia. Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân và dân Campuchia chiến đấu đập tan cuộc hành quân đó.

– 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn mở cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” chiếm giữ Đường 9 – Nam Lào. Từ ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971, quân và dân Việt Nam, có sự phối hợp của quân dân Lào, chiến đấu đập tan cuộc hành quân đó.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Số quân Mĩ ở miền Nam Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1973

(Đơn vị : nghìn người)



Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, số quân Mĩ có mặt lúc cao nhất trên chiến trường miền Nam là 11 sư đoàn và 11 trung đoàn với hơn 540 000 người, gồm sư đoàn kị binh bay số 1, sư đoàn bộ binh số 1, 4, 25 và số 9 ; sư đoàn bộ binh American số 23 ; sư đoàn không vận số 101. Hai sư đoàn thuỷ quân lục chiến số 1 và số 3 ; hai lữ đoàn tương đương sư đoàn là lữ đoàn bộ binh số 5 và lữ đoàn không vận số 82 ; lữ đoàn công binh số 18, lữ đoàn quân cảnh số 18 và các trung đoàn của sư đoàn số 5, trung đoàn kị binh thiết giáp số 11.

Ngày 29 – 3 – 1973, quân Mĩ rút hết, để lại 50 lính thuỷ đánh bộ bảo vệ sứ quán Hoa Kì tại Sài Gòn.

(Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị,
Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 – 1975 :
Thắng lợi và bài học, NXB Chính trị quốc gia, H., 2000, tr. 503)

2. Chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mĩ đối với miền Bắc⁽¹⁾

Từ ngày 7 – 2 – 1965 đến 15 – 1 – 1973, đế quốc Mĩ đã hai lần tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc (lần thứ nhất : từ 7 – 2 – 1965 đến 1 – 11 – 1968 của chính quyền Giônxơ̄n ; lần thứ hai : từ 6 – 4 – 1972 đến 15 – 1 – 1973 của chính quyền Níchxơ̄n). Không quân Mĩ ném

(1) Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Đức phải chịu đựng trung bình là 5,4 tấn/km², 27 kg/dầu người ; nước Nhật là 0,43 tấn/km² và 1,6 kg/dầu người.

xuống miền Bắc hàng triệu tấn bom. Bình quân 1 km² phải chịu đựng 6 tấn bom, mỗi người dân miền Bắc phải chịu đựng 45,5 kg bom.

Đã gây thiệt hại :

Về người : giết và gây thương tật cho hơn 200 000 người (gần 80 000 người chết), để lại hậu quả 70 000 trẻ em mồ côi.

Về kinh tế : tất cả các cơ sở kinh tế và quốc phòng đều bị đánh phá : 100% các nhà máy điện, 1500/1600 công trình thủy lợi, hơn 1000 quang đê xung yếu ; 6 đường xe lửa với hầu hết cầu cống bị sập, hỏng, 66/70 nông trường quốc doanh bị bom đạn đánh bắn phá ; trên 40 000 trâu, bò bị giết hại ; 6 thành phố lớn bị đánh phá, trong đó có 3 thành phố : Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên bị phá hoại nặng nề, 28/30 thị xã (trong đó có 12 thị xã bị phá huỷ hoàn toàn), 96/116 thị trấn, 4000/5788 xã miền Bắc (có hơn 300 xã bị phá huỷ hoàn toàn), 350 bệnh viện (có 10 bệnh viện bị phá huỷ hoàn toàn), 1500 bệnh xá, 1300 trường học, hàng trăm chùa chiền, nhà thờ và di tích lịch sử, hơn 5 triệu m² nhà ở bằng gạch ngói, hàng chục vạn hécta ruộng vườn bị bom đạn cày xới, để lại hậu quả nặng nề cho nhân dân ta phải khắc phục sau chiến tranh.

(Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc
Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 – 1975 :
Thắng lợi và bài học*, Sđd, tr. 516)

3. Thành tích chiến đấu của quân và dân miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ (từ 5-8-1964 đến 15-1-1973)⁽¹⁾

	Toàn bộ (1964 – 1973)	Riêng chiến tranh phá hoại	
		Lần thứ nhất	Lần thứ hai
Máy bay Mĩ bị bắn rơi (chiếc)	4 181	3 243	735
Trong đó : Máy bay B.52	68	6	61
Máy bay phản lực F.111	13	3	10
– Lực lượng phòng không – không quân	2 422	1 191	1 231
– Dân quân tự vệ bắn rơi	357	282	75
Trong đó : + Dân quân gái	30	22	8
+ Lão dân quân	6	6	
Tàu chiến, tàu biệt kích bị bắn cháy, bắn chìm (chiếc)	271	143	125

(Tổng cục Thống kê, *Việt Nam – con số và sự kiện 1945 – 1989*,
NXB Sự thật, H., 1990, tr. 76)

(1) Mĩ thú nhận chiến dịch "Sấm rền" do Tổng thống Mĩ Giônxơen phát động, ngày quyết định 13-2 và ngày bắt đầu chiến dịch là 2-3-1965. Mục đích là buộc "Hà Nội phải từ bỏ sự ủng hộ lực lượng cộng sản ở miền Nam Việt Nam".

4. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968

Kết quả một năm tổng tiến công và nổi dậy (từ 30 - 1 đến cuối tháng 9 - 1968), quân và dân ta ở miền Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 630000 tên Mĩ, quân Sài Gòn và quân đồng minh ; tiêu diệt và đánh thiệt hại 1 lữ đoàn, 7 trung đoàn, chiến đoàn, tiểu đoàn bộ binh, 18 chi đoàn thiết giáp ; phá huỷ, phá hỏng 13000 xe quân sự, 1000 tàu, xuồng chiến đấu, 700 kho đạn, 100 khẩu pháo các loại, phá sập 700 cầu cống ; diệt, bức hàng, bức rút 15000 đồn bốt và chi khu...

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 là to lớn, toàn diện, chưa có năm nào trước đó đạt tới. Nhưng tổn thất của ta cũng nặng nề : 111306 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang giải phóng hi sinh và bị thương.

Đối với địch, thất bại năm 1968 hết sức nghiêm trọng, tác động sâu sắc, toàn diện đến tình hình quân sự, chính trị, tâm lí, xã hội nước Mĩ, mà trong những năm sau đó chính quyền Giônxơ̄n khó có thể hàn gắn được.

(Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam,
Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 – 1975,
Tập 1, NXB Sự thật, H., 1990, tr. 311–312)

5. Tình hình so sánh lực lượng sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam

Do bị Quốc hội Mĩ cắt bỏ viện trợ bổ sung và gặp khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, tháng 6 – 1974 Nguyễn Văn Thiệu phải đề ra chủ trương "đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo", điều không thể nào làm được đối với một quân đội tay sai phản động...

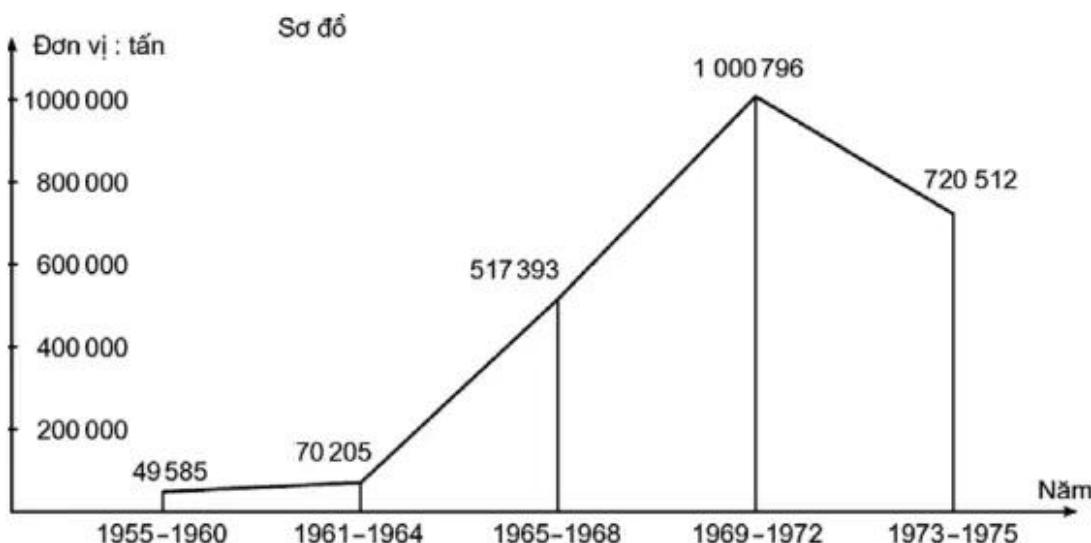
Vụ bê bối Oatoghết đã đẩy nước Mĩ đến một tình trạng chính trị xấu chưa từng có. Níchxơn bị lật đổ. G.Phó lên thay. Là tổng thống lén nắm quyền không do bầu cử, Phó phải tiếp tục thực hiện việc cắt giảm viện trợ cho nguy quyền Sài Gòn và không thể đưa ra được một điều gì có hiệu lực để cứu nó trong cơn nguy khốn...

Về ta, ở miền Nam, sự ra đời của các quân đoàn và binh đoàn tương đương quân đoàn, đứng chân trên các chiến trường quan trọng, đã tạo nên một sự chuyển biến lớn về so sánh lực lượng : mạng đường chiến lược ở cả hai tuyến đông và tây Trường Sơn đã nối liền đến Lộc Ninh, đường ống đã chạy thông qua Tây Nguyên vào Khu V và miền Đông Nam Bộ. Trên miền Bắc, sau gần hai năm phấn đấu gian khổ, đến cuối năm 1974 nhiều mặt về kinh tế đã đạt xấp xỉ mức

năm 1965 ; ta cũng đã tăng cường vào miền Nam một số lượng lớn quân các loại và một khối lượng lớn hàng quân sự, vượt xa kế hoạch các năm trước đó...

(Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam,
Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 – 1975,
những sự kiện quân sự, H., 1988, tr. 295 – 296)

6. Viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa



(Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam,
Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 – 1975),
NXB Quân đội nhân dân, H., 1977, tr. 325)

7. Vận tải chiến lược chi viện chiến trường (vận tải qua Trường Sơn)

– Từ năm 1959 đến năm 1975, bộ đội Trường Sơn – Đường Hồ Chí Minh đã vận chuyển được gần 1 400 000 tấn hàng hoá, vũ khí, trong đó cho các chiến trường và cách mạng Lào, Campuchia hơn 583 000 tấn, 5 500 000 m³ xăng dầu ; bảo đảm hành quân cơ động tiêu thụ trên tuyến và tổn thất trên đường vận chuyển hơn 765 600 tấn ; năm 1974 vận chuyển số lượng hàng gấp 22 lần năm 1966, bằng 217 426 tấn ; mùa Xuân 1975 được 413 450 tấn, gấp đôi năm 1974; đưa đón, vận chuyển trên 2 triệu cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vào ra trên tuyến.

Để giao được 1 000 tấn hàng, bộ đội Trường Sơn bị tổn thất : 57 người bị thương, 21 người hi sinh, 25 xe ô tô, 143 tấn hàng bị phá huỷ.

– Đã mở 5 đường trục dọc, 21 đường trục ngang nối liền các chiến trường dài gần 17000 km. Mở 3140 km đường cho xe chạy ban ngày, 3000 km đường giao liên, gần 1300 km đường thông tin tải ba, 14000 km đường thông tin hữu tuyến và thiết bị tiếp sức. Bảo đảm vận chuyển hàng trên sông có chiều dài 500 km và 1400 km đường ống xăng dầu từ hậu phương miền Bắc qua Trường Sơn cho các chiến trường. Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, đã bảo đảm giao thông đường 1 và 7 tuyến đường khác với tổng chiều dài là 2577 km ; đã bắc 88 cầu, huy động 1052 xe chở các quân đoàn chủ lực và 20 vạn quân.

– Để vận tải được vũ khí, phương tiện và lương thực, thực phẩm cho các chiến trường, bộ đội ta trên tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn đã phải chống chọi, chịu đựng với khối lượng bom đạn do đế quốc Mĩ ném xuống tuyến đường là hơn 7500000 quả bom (tương đương 4 triệu tấn), hàng triệu quả mìn các loại, đánh trả hàng trăm cuộc hành quân, có xe tăng, thiết giáp yểm trợ, hàng nghìn lần biệt kích, thảm báo của Mĩ – nguy, đỉnh cao là cuộc hành quân Lam Sơn 719 vào Đường 9 – Nam Lào tháng 2 – 1971. Trong chiến dịch này, bộ đội Trường Sơn đã bắn rơi 356 máy bay, diệt 8105 tên, bắt 1160 tên, phá huỷ 136 xe tăng, xe cơ giới và 86 khẩu pháo.

Với tinh thần "đánh địch mà đi, mở đường mà tiến", bộ đội Trường Sơn – Đường Hồ Chí Minh đã làm thất bại các kế hoạch ngăn chặn của không quân và bộ binh địch, vô hiệu hoá nhiều loại vũ khí hiện đại, các sáng chế khoa học quân sự của địch ; đã anh dũng chiến đấu bắn trả 15133 trận đánh phá của không quân địch, bắn rơi 2455 máy bay các loại, bắt 10 người lái, đánh bộ binh địch 2500 trận lớn nhỏ, diệt hơn 1740, bắt hơn 1290, gọi hàng 10000 tên, đưa tổng số quân địch bị diệt, bị thương, bị bắt lên gần 20000 tên ; thu và phá huỷ hơn 100 xe quân sự và hàng nghìn súng các loại. Đã san lấp 78 000 hố bom, phá hơn 230000 bom nổ chậm và bom từ trường, 85100 loạt mìn các loại. Đào đắp gần 29 triệu m³ đất đá.

(Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị,

Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) :

Thắng lợi và bài học, Sđd, tr. 570)